

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐÔNG ĐA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **320/2024/HSST**
Ngày 21/10/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, HÀ NỘI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thúy;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thư;
Bà Nguyễn Thị Cờ.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga- Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa:*
Ông Lương Tuấn G, Kiểm sát viên.

Ngày 21/10/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 304/TLST-HS ngày 07/10/2024 đối với các bị cáo:

1- Họ và tên: **Nguyễn Ngọc L**, sinh năm 1976; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: P305B E5B tập thể T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Tham gia đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Nguyễn Trần S, sinh năm 1951; Con bà: Vũ Phạm B, sinh năm 1954; Vợ: Lê Hoàng O, sinh năm 1979; Con: Có 01 con sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Bản án số 345 ngày 18/9/1996, Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 08 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản của công dân* (đã được xóa án tích).

+ Bản án số 1296 ngày 09/12/1996, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội *Cướp tài sản của công dân*. Tổng hợp hình phạt 08 tháng tù của Bản án số 345 ngày 18/9/1996 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, buộc Nguyễn Ngọc L phải chấp hành hình phạt 38 tháng tù. Chấp hành xong án phạt tù ngày 29/10/1998, đã được xóa án tích).

+ Bản án số 1914 ngày 16/12/1999, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 03 năm tù về tội *Trộm cắp tài sản của công dân*. Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa hiện không có hồ sơ về việc thi hành án của Nguyễn Ngọc L.

+ Bản án số 21 ngày 11/3/2004, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*. Chấp hành xong án phạt tù ngày 13/8/2006, đã được xóa án tích.

+ Bản án số 418 ngày 28/12/2012, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt 42 tháng tù về tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*. Chấp hành xong án phạt tù ngày 10/8/2015, đã được xóa án tích.

+ Bản án số 408 ngày 12/5/2016, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 05 năm tù về tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*. Chấp hành xong án phạt tù ngày 17/02/2020, đã được xóa án tích.

D chỉ bản số 355, lập ngày 27/4/2024 tại Công an quận Đ. Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

2- Họ và tên: **Trần Đức H**, sinh năm 2002; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT: Xóm A, thôn K, xã V, huyện H, Hà Nội; Chỗ ở: Xóm T, xã L, huyện H, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Tham gia đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Trần Đức T, sinh năm 1973; Con bà: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976; A, chị, em ruột: Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2; Vợ: Tạ Ngọc H2, sinh năm 2005; Con: Có 01 con sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

D chỉ bản số 349, lập ngày 27/4/2024 tại Công an quận Đ. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 17/4/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

3- Họ và tên: **Trần Đức H3**, sinh năm 2000; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ dân phố N, phường T, quận N, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Tham gia đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Trần Đức T1, sinh năm 1971; Con bà: Nguyễn Thị V, sinh năm 1977; A, chị, em ruột: Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

D chỉ bản số 350, lập ngày 27/4/2024 tại Công an quận Đ. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 17/4/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

4- Họ và tên: **Nguyễn Văn D1**, sinh năm 1989; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Tham gia đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Nguyễn Văn T2 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; Anh chị em ruột: Gia đình có 05 chị em, bị cáo là con út; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Bản án số 100 ngày 16/8/2012, Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội xử phạt 27 tháng tù về tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*. Chấp hành xong án phạt tù ngày 28/02/2014, đã được xóa án tích.

+ Bản án số 154 ngày 26/5/2016, Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*. Chấp hành xong án phạt tù ngày 10/01/2018, đã được xóa án tích.

D chỉ bản số 348, lập ngày 27/4/2024 tại Công an quận Đ. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 17/4/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng từ 20giờ 00phút đến 21giờ 00phút ngày 17/4/2024, Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy- Công an quận Đ đã phát hiện, bắt quả tang 02 vụ việc tàng trữ trái phép chất ma túy như sau:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 20giờ 00phút ngày 17/4/2024, tại khu vực trước số C phố H, phường Ô, quận Đ, Hà Nội, Tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy- Công an quận Đ phát hiện Nguyễn Văn D1 đang điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda SH biển kiểm soát 28G1-277.39 có biểu hiện nghi vấn nên đã tiến hành dừng xe để kiểm tra. Quá trình kiểm tra, D1 không xuất trình được giấy tờ tùy thân nên Tổ công tác đã đưa D1 về trụ sở Công an phường Ô để làm việc. Tại đây, Tổ công tác kiểm tra phát hiện, thu giữ tại túi quần bên phải phía trước D1 đang mặc có 01 túi ni lông kích thước khoảng 1,5x2cm chứa tinh thể màu trắng.

Tại bản Kết luận giám định số 2983/KL-KTHS ngày 27/4/2024 của Phòng K- Công an thành phố H, kết luận:

“Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi ni lông là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng: 0,231 gam”.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn D1 khai về nguồn gốc số ma túy như sau: Khoảng 19giờ 55phút ngày 17/4/2024, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên D1 đã liên lạc với Nguyễn Ngọc L để mua ma túy đá, L hẹn D1 đến nhà tại P E tập thể T, phường T, quận Đ, Hà Nội. Tại đây, D1 đã dùng tài khoản số 19032810037016 mở tại Ngân hàng T4 của mình chuyển vào tài khoản số 04467982701 mở tại Ngân hàng T5 của L số tiền 470.000 đồng rồi nhận của L 01 túi ni lông chứa ma túy đá. D1 cất giấu túi ma túy trên vào túi quần bên phải phía trước rồi điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda SH biển kiểm soát 28G1-277.39 đi tìm nơi sử dụng. Khi đi đến khu vực trước số C phố H thì bị cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang.

- Vụ thứ hai: Khoảng 21giờ 00phút ngày 17/4/2024, tại khu vực trước số I phố T, phường N, quận Đ, Hà Nội, Tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy- Công an quận Đ phát hiện Trần Đức H3 đang điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 29L1-999.91 chở Trần Đức H có biểu hiện nghi vấn nên đã tiến hành dừng xe để kiểm tra. Quá trình kiểm tra, Trần Đức H nhả từ miệng ra 01 túi ni lông màu trắng kích thước khoảng 1,5x2cm chứa tinh thể màu

trắng. Tại chỗ, H và H3 khai nhận tinh thể màu trắng là ma túy đá vừa mua với mục đích để sử dụng nên Tổ công tác đã niêm phong tang vật và đưa H, H3 về trụ sở Công an phường N làm việc.

Tại bản Kết luận giám định số 2984/KL-KTHS ngày 27/4/2024 của Phòng K- Công an thành phố H, kết luận:

“Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi ni lông là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng: 0,459 gam”.

Tại Cơ quan điều tra, H và H3 khai nhận về nguồn gốc số ma túy như sau: chiều tối ngày 17/4/2024, do có nhu cầu sử dụng ma túy đá nên Trần Đức H3 đã liên lạc với Trần Đức H và Bùi Ngọc D2 (sinh năm 1996, Trú tại: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình) để rủ mua ma túy về cùng sử dụng, H và D2 đồng ý. H3 đã dùng tài khoản số 0978968520 mở tại Ngân hàng V1 của mình chuyển khoản số tiền 500.000 đồng vào tài khoản số 19037593388011 mở tại Ngân hàng T4 của H. D2 đã dùng tài khoản số 102878759984 mở tại Ngân hàng V2 của mình chuyển khoản số tiền 500.000 đồng vào tài khoản số 1612200205 mở tại M của H. Sau đó, H3 điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 29L1-999.91 chở H đến nhà của Nguyễn Ngọc L tại P305B E tập thể T, phường T, quận Đ, Hà Nội để mua ma túy. H đã dùng tài khoản số 1612200205 mở tại M của mình chuyển khoản số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản số 04467982701 mở tại Ngân hàng T5 của L rồi nhận 01 túi ni lông chứa ma túy đá. H cất giấu túi ma túy vào trong miệng rồi cùng H3 đi tìm nơi sử dụng cùng với D2. Tuy nhiên, khi chưa liên lạc được với D2 thì H3 và H đã bị cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang tại khu vực trước số I phố T.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Văn D1, Trần Đức H, Trần Đức H3 và các tài liệu khác thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an quận Đ đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Ngọc L tại P305B E5B tập thể Trung Tự. Quá trình khám xét đã thu giữ được các đồ vật sau:

- + Thu giữ tại đầu giường ngủ 04 gói giấy màu vàng kích thước khoảng 2x2cm bên trong đều có 01 túi ni lông kích thước 1,5x2cm đựng tinh thể màu trắng và 01 cân điện tử màu đen.

- + Thu giữ trong tủ quần áo 01 túi ni lông kích thước 3x5cm đựng 15 viên nén màu đỏ; 01 túi ni lông kích thước 7x15cm đựng 31 túi ni lông kích thước mỗi túi khoảng 1,5x2cm đều chứa tinh thể màu trắng; 01 túi ni lông kích thước 7x15cm đựng 03 túi ni lông kích thước mỗi túi khoảng 3x3cm đều chứa tinh thể màu trắng.

- + 01 điện thoại Redmi màu xanh đen và 4.200.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 2986/KL-KTHS ngày 27/4/2024 của Phòng K- Công an thành phố H, kết luận:

“- Tinh thể màu trắng bên trong 38 túi ni lông (cụ thể: 04 túi ni lông kích thước 1,5x2cm ngoài mỗi túi bọc giấy màu vàng; 31 túi ni lông kích thước 1,5x2cm để trong 01 túi ni lông kích thước 7x15cm và 03 túi ni lông kích thước

3x3cm để trong 01 túi ni lông kích thước 7x15cm) đều là ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng: 12,525 gam.

- 15 viên nén màu đỏ bên trong 01 túi ni lông kích thước 3x5cm đều là ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng: 1,635 gam.

- 01 cân điện tử màu đen có dính ma túy loại Methamphetamine.”

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Ngọc L khai nhận về nguồn gốc số ma túy trên như sau: khoảng 01 tuần trước ngày 17/4/2024, tại khu vực chân cầu thang E5B tập thể T, L gặp và mua của một người đàn ông tên H3 toàn bộ số ma túy trên với giá 8.000.000 đồng. Sau đó, L mang về nhà cất giấu với mục đích chia nhỏ số ma túy trên ra để bán kiếm lời. Trong ngày 17/4/2024, L đã bán ma túy cho Nguyễn Văn D1 và Trần Đức H như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, ngoài số ma túy, đồ vật đã bị thu giữ nêu trên, Cơ quan điều tra còn thu giữ những đồ vật sau:

+ Thu giữ của D1: 01 điện thoại Samsung màu xanh, 01 xe máy nhãn hiệu Honda SH biển kiểm soát 28G1-277.39.

+ Thu giữ của H: 01 điện thoại Samsung màu đen.

+ Thu giữ của H3: 01 điện thoại Iphone màu xám; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu xám biển kiểm soát 29L1-999.91.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH biển kiểm soát 28G1-277.39, qua điều tra xác định chủ sở hữu là chị Đỗ Thị L1 (sinh năm 1987; Trú tại: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình), là chị dâu của Nguyễn Văn D1. Tại Cơ quan điều tra, chị L1 khai chiều tối ngày 17/4/2024 có cho Nguyễn Văn D1 mượn xe máy trên để đi có việc, chị L1 không biết về hành vi phạm tội của D1. Ngày 06/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an quận Đ đã ra Quyết định xử lý tài sản trao trả chiếc xe máy trên cho chị Đỗ Thị L1. Chị L1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Đối với đối tượng H3 đã bán ma túy cho Nguyễn Ngọc L, do L khai không biết họ tên, địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ làm rõ để xử lý.

Đối với Bùi Ngọc D2, Trần Đức H3 và Trần Đức H khai chỉ biết D2 sử dụng số điện thoại 0987735996. Qua điều tra xác định D2 đăng ký nhân khẩu thường trú tại thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình còn chủ thuê bao 0987735996 là chị Lê Thị H4 (sinh năm 1996; Trú tại: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình) là vợ của D2. Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an quận Đ đã nhiều lần triệu tập D2 đến trụ sở làm việc nhưng D2 đều vắng mặt ở địa phương, gia đình và chính quyền không biết D2 đang ở đâu, làm gì nên đã ra Quyết định tách hành vi, tài liệu, vật chứng để tiếp tục điều tra làm rõ.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Bản cáo trạng số 303/CT-VKSĐĐ, ngày 30/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa đã truy tố Nguyễn Ngọc L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b,i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Trần Đức H, Trần Đức H3 và Nguyễn Văn D1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b,i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc L mức án tù 10 đến 11 năm tù.**

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Trần Đức H mức án tù 16 đến 20 tháng tù.**

Xử phạt bị cáo **Trần Đức H3 mức án tù 16 đến 20 tháng tù.**

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D1 mức án tù 18 đến 22 tháng tù.**

Miễn áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo và xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 03 bao niêm phong trong có chứa ma túy. Tịch thu sung công 01 điện thoại Iphone màu xám, 01 điện thoại Samsung màu đen vỡ lưng, 01 điện thoại Samsung màu xanh vỡ màn hình, 01 điện thoại Redmi màu xanh đen vỡ màn hình, 01 xe máy Honda Vision biển kiểm soát 29L1-999.91. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc L truy nộp số tiền 1.470.000 đồng thu lợi bất chính sung quỹ Nhà nước. Trả lại cho Nguyễn Ngọc L số tiền 4.200.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an quận Đ, Hà Nội; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những căn cứ xác định tội danh:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện:

Khoảng 01 tuần trước ngày 17/4/2024, Nguyễn Ngọc L đã mua ma túy đá của một đối tượng tên H3 với giá 8.000.000 đồng, mục đích chia nhỏ để bán kiếm lời. Trong ngày 17/4/2024, L đã bán cho Nguyễn Văn D1 0,231 gam ma túy loại Methamphetamine với giá 470.000 đồng và Trần Đức H, Trần Đức H3 0,459 gam ma túy loại Methamphetamine với giá 1.000.000 đồng. Khi D1, H, H3 đang đi tìm nơi để sử dụng thì bị cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang.

Tổng số ma túy Nguyễn Ngọc L đã cất giấu với mục đích chia nhỏ bán kiếm lời là 14,850 gam ma túy loại Methamphetamine.

Hành vi của Nguyễn Ngọc L đủ dấu hiệu cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự. Bị cáo L phạm tội 02 lần trở lên, khối lượng ma túy Methamphetamine bị cáo cất giấu với mục đích bán kiếm lời là 14,850 gam nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Hành vi của Trần Đức H, Trần Đức H3 và Nguyễn Văn D1 đủ dấu hiệu cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo biết rõ ma túy là chất gây nghiện làm tổn hại sức khỏe con người, là mầm mống của các loại tội phạm khác, nhà nước ta đã nghiêm cấm mọi hành vi mua bán, tàng trữ... trái phép chất ma túy, nhưng vì hám lợi và là các đối tượng nghiện nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện tội phạm. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm minh, nhằm đảm bảo tính giáo dục đối với các bị cáo và làm bài học ngăn ngừa chung.

[4] Xét vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy:

Nguyễn Ngọc L là người bán ma túy nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo Trần Đức H, Trần Đức H3, Nguyễn Văn D1. Các bị cáo H, H3 có sự thông nhất ý chí về việc mua ma túy, H3 là người bỏ tiền, chở H đi mua ma túy, H là người trực tiếp mua ma túy nên vai trò của H, H3 là như nhau.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo: Bị cáo L và bị cáo D1 có nhân thân xấu, có nhiều tiền án tuy đã được xóa án tích nhưng thể hiện các bị cáo đã được cải tạo, giáo dục bằng pháp luật nhiều lần nhưng vẫn không chịu tu dưỡng rèn luyện để trở thành công dân tốt mà vẫn tiếp tục phạm tội. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra

khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, là các đối tượng nghiện; vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về số tiền thu lợi bất chính: Bị cáo L bán cho H 1.000.000 đồng tiền ma túy, bán cho D1 470.000 đồng tiền ma túy; thu lợi bất chính 1.470.000 đồng nên cần buộc bị cáo truy nộp số tiền này sung quỹ nhà nước.

[9] Về vật chứng:

- 01 bao niêm phong có chữ ký của Nguyễn Ngọc L, người chứng kiến, cán bộ Công an và giám định viên; 01 bao niêm phong có chữ ký của Nguyễn Văn D1, cán bộ Công an, giám định viên; 01 bao niêm phong có chữ ký của Trần Đức H, Trần Đức H3, giám định viên, cán bộ Công an; trong có chứa ma túy và cân điện tử nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại Iphone màu xám, 01 xe máy Honda Vision biển kiểm soát 29L1-999.91 thu giữ của bị cáo H3; 01 điện thoại Samsung màu đen vỡ lưng thu giữ của bị cáo H; 01 điện thoại Samsung màu xanh vỡ màn hình thu giữ của bị cáo D1; 01 điện thoại Redmi màu xanh đen vỡ màn hình thu giữ của bị cáo L có liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu sung công.

- Số tiền 4.200.000 đồng thu giữ của bị cáo L là tiền của cá nhân bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Nguyễn Ngọc L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Trần Đức H, Trần Đức H3, Nguyễn Văn D1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1- Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

* Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc L 11 (mười một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2024.

* Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Trần Đức H 18 (mười tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2024.

- Xử phạt bị cáo **Trần Đức H3 18 (mười tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2024.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D1 20 (hai mươi) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2024.

2- *Về hình phạt bổ sung*: Không phạt tiền đối với các bị cáo.

3- *Về số tiền thu lợi bất chính*: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc L truy nộp số tiền 1.470.000 đồng thu lợi bất chính.

4- *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bao niêm phong dán kín có chữ ký giáp lai của Nguyễn Ngọc L, người chứng kiến, cán bộ Công an và giám định viên; 01 bao niêm phong dán kín có chữ ký giáp lai của Nguyễn Văn D1, cán bộ Công an, giám định viên; 01 bao niêm phong dán kín có chữ ký của Trần Đức H, Trần Đức H3, giám định viên, cán bộ Công an.

- Tịch thu sung công 01 điện thoại Iphone màu xám; 01 điện thoại Samsung màu đen vỡ lưng; 01 điện thoại Samsung màu xanh vỡ màn hình; 01 điện thoại Redmi màu xanh đen vỡ màn hình (không kiểm tra chất lượng và nội dung bên trong); 01 xe máy Honda Vision biển kiểm soát 29L1-999.91 (không kiểm tra chất lượng và nội dung bên trong).

- Trả lại cho Nguyễn Ngọc L số tiền 4.200.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 04 ngày 15/10/2024 của Cơ quan điều tra Công an quận Đ và Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 22/4/2024.

5- *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Ngọc L, Trần Đức H, Trần Đức H3, Nguyễn Văn D1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6- *Về quyền kháng cáo*: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKS ND quận Đống Đa;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Đống Đa;
- Chi cục THADS quận Đống Đa;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Thúy